

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HSST
Ngày 18/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Vỹ

2. Ông Ngô Văn Hoàn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2021 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/HSST ngày 22/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST ngày 06/5/2021 đối với bị cáo:

Hoàng Văn P, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKTT: Nhà N, xã Q, huyện Tr, tỉnh L;

Chỗ ở hiện nay: Nhà N, xã Q, huyện Tr, tỉnh L;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Hoàng Xuân B, sinh năm 1956 (đã chết); Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1958; Anh chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Lục Thị L, con có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án; Tiền sự: Không có.

Về nhân thân:

Năm 2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phạt 05 (năm) năm tù về tội: Vận chuyển lưu hành tiền giả. Tại bản án số: 76/HS-ST, ngày 17/5/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh L xử phạt 01 (một) năm tù về tội: Trộm cắp tài sản. Tại bản án số: 17/HS-ST, ngày 07/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh L.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh L từ ngày 27/01/2021, có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại:

Nông Thị E - Sinh năm 1986

Trú tại: Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C - Có mặt tại phiên tòa;
- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**
Nông Văn N - Sinh năm 1991
Trú tại: Thôn V, xã K, huyện Tr, tỉnh L - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01 tháng 11 năm 2017, Hoàng Văn P cùng Nông Văn N đi sang thị trấn T, huyện Q, tỉnh C tìm mua ma túy về sử dụng. Buổi chiều cùng ngày cả hai người đến xã Đ, huyện T, tỉnh C. Trên đường đi P kể với N trước đây đi sang xã Đ chơi, P có nhìn thấy hai chiếc xe máy để ở xa nhà dân, không có ai trông coi và rủ N đi trộm, N đồng ý. Khoảng 00 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2017 P và N đi từ đường quốc lộ 34B rẽ trái xuống khu vực Nà V (nay là thôn Đ, xã Đ), P dừng xe tắt máy trôi dốc xuống theo đường Bê tông khoảng 200 mét, đi qua cầu suối Nà V khoảng 100 mét thì dựng xe ở đó, rồi đi bộ đến chỗ có hai chiếc xe mô tô dựng ở cạnh nhau, được phủ bạt lên trên, P và N giúp nhau lật bạt ra và dắt trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đỏ, BKS 11B1- 193.28 đi ra ngoài. P dùng kim giật dây ổ khoá điện, đầu nối lại và tháo biển số, còn N tháo hai gương chiếu hậu của chiếc xe ném xuống bụi cây ven đường. Sau đó N dắt chiếc xe máy vừa lấy trộm được quay lại đường quốc lộ 34B, còn P đi xe máy của P theo sau, đến đường quốc lộ 34B thì N nổ máy điều khiển chiếc xe vừa lấy trộm được, còn P đi xe máy của P đi theo đường vành đai biên giới sang Nà T, xã M, huyện Q sang Nà C, Long C, Quảng T, Trung Q để bán. Đến nơi N mở cốp xe thấy bên trong có 01 sổ thông hành bìa màu đen, N không mở ra xem mà vứt luôn tại vị trí gần đó. Sau đó cả hai người đến gặp một người đàn ông Trung Q có tên gọi là S (Không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) mà N đã quen biết từ trước, để bán chiếc xe máy vừa trộm được với giá 2000 NDT (Hai nghìn nhân dân tệ), sau khi bán xe xong N và P chia nhau mỗi người 1000 NDT (Một nghìn nhân dân tệ), rồi mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Trong thời gian ở Trung Q, P và N gặp Hoàng Văn B (trú tại Nà N, xã Q, huyện Tr, tỉnh L) P đã nhờ B đi xe máy của P về V cho vợ Phì là Lục Thị L, sau đó P và N bắt xe Buýt đến thị trấn Long C, Quảng T, Trung Q để chơi rồi mỗi người đi một đường, không gặp lại nhau nữa.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra xác định được chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, đỏ, BKS: 11B1 - 193. 28 là của bà Nông Thị E.

Khoảng 17 giờ ngày 01/11/2017, bà E điều khiển chiếc xe trên đi đón con tại trường Tiểu học xã Đ, huyện T về nhà, bà E dựng xe máy dưới gốc cây hồng cách nhà khoảng hơn 100 mét (Đây là nơi bà E thường để xe máy qua đêm ở đó vì đường vào nhà xe máy không đi được). Trong cốp xe có 01 sổ thông hành của chồng bà E là Hà Văn Y. Bên cạnh chiếc xe Mô tô (Bị mất trộm) còn có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu trắng BKS: 11F5 – 9543 của gia đình bà E. Khoảng 07 giờ sáng ngày 02/11/2017 bà E đi ra chỗ để xe thì phát hiện chiếc xe mô tô BKS 11B1 -193.28 đã bị mất trộm.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã

ra Quyết định trưng cầu giám định số 18: Giám định dấu vết đường vân.

Tại bản kết luận giám định số: 09-GĐKTHS/PC54, ngày 19 tháng 01 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C , kết luận: *Dấu vết đường vân thu được trên gương chiếu hậu bên trái với dấu in vân ở ô nhẵn bên phải trên chỉ bản mang tên Nông Văn N sinh ngày 01 tháng 3 năm 1991, nơi ĐKTT: Thôn V, xã K, huyện Tr., tỉnh L là của cùng một người.*

Tại bản kết luận giám định số: 37-GĐKTHS/PC54, ngày 26 tháng 3 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C , kết luận: *Dấu vết đường vân thu được trên biển kiểm soát xe máy 11B1 - 193.28 với dấu vân ở ô nhẵn bên trái trên chỉ bản số: 0351 lập ngày 30 tháng 10 năm 2000 tại Công an huyện Tr , tỉnh L ghi tên: Hoàng Văn P , sinh năm 1980, trú tại: Nà N , xã Q , huyện Tr , tỉnh L là của cùng một người.*

Ngày 17/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đỏ, BKS 11B1 - 193.28. Theo kết luận số: 03/KL-HĐGDTS, ngày 17/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện T đã kết luận: “ Tổng giá trị tài sản của chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu trắng, đỏ BKS: 11B1 – 193.28 là: 16.450.000,đ (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam số: 04 đối với Hoàng Văn P nhưng P đã bỏ trốn khỏi địa phương và không xác định được P ở đâu nên ngày 17 tháng 4 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định truy nã số: 01 đối với Hoàng Văn P về tội: Trộm cắp tài sản.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tra Quyết định tách vụ án hình sự số: 01, tách hành vi trộm cắp tài sản của P theo quyết định khởi tố bị can số: 14, ngày 03 tháng 4 năm 2018 thuộc vụ án hình sự theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 06 ngày 26 tháng 01 năm 2018 để điều tra về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 17 tháng 01 năm 2021, biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, Hoàng Văn P đã đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L để đầu thú về hành vi “ Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” và hành vi “trộm cắp tài sản” theo Quyết định truy nã của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh C.

Người bị hại Nông Thị E trình bày tại phiên toà: Khoảng 17 giờ ngày 01/11/2017 bà điều khiển xe mô tô BKS 11B1 - 193.28 đi đón con ở trường tiểu học Đ , huyện T , tỉnh C về nhà để xe máy ở dưới gốc cây hồng cách nhà khoảng 100 mét vì đường vào nhà xe máy không đi được, nên thường để xe máy qua đêm tại vị trí này và phủ bạt qua trên để che cho xe. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02 tháng 11 năm 2017, phát hiện mất chiếc xe mô tô BKS 11B1 - 193.28, xe Yamaha Sirius. Chiếc xe trên bà E mua với giá 13.000.000,đ (Mười ba triệu đồng chẵn), nên bà cũng yêu cầu bồi thường chiếc xe với số tiền 13.000.000,đ (Mười ba triệu đồng) mà bà đã bỏ ra mua chiếc xe. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án số 09/2018/HSST, ngày 27/6/2018. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nông Văn N sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và buộc N phải

có trách nhiệm bồi thường chiếc xe cho bà E là 13.000.000,đ (Mười ba triệu đồng chẵn) .

Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa Nông Văn N khai chưa bồi thường chiếc xe cho bị hại Nông Thị E theo bản án số: 09/2018/HSST của Tòa án nhân dân huyện T nên có yêu cầu bị cáo Hoàng Văn P cùng chịu trách nhiệm bồi thường 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 11B1 - 193.28 theo yêu cầu của bà E .

Trong quá trình điều tra trước khi mở phiên tòa ngày 09 tháng 5 năm 2021, bị cáo Hoàng Văn P đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường 1/2 chiếc xe khắc phục hậu quả cho gia đình bà Nông Thị E là 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). (Trong đó 6.500.000,đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bồi thường chiếc xe và 1.000.000,đ (Một triệu đồng) là tiền khắc phục hậu tổn thất tinh thần cho gia đình bà E).

Tại phiên tòa bà Nông Thị E xác nhận trước khi mở phiên tòa bị cáo Hoàng Văn P đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường 1/2 giá trị chiếc xe khắc phục hậu quả cho gia đình bà Nông Thị E là 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). (Trong đó 6.500.000,đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bồi thường chiếc xe và 1.000.000,đ (Một triệu đồng) là tiền khắc phục hậu tổn thất tinh thần cho gia đình bà).

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Văn N cũng thừa nhận tại bản án số: 09/2018/HSST, ngày 27/6/2018. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản mới chấp hành xong bản án, do vậy về bồi thường chiếc xe Nông Văn N yêu cầu bị cáo Hoàng Văn P cùng chịu trách nhiệm bồi thường 1/2 giá trị chiếc xe mô tô BKS 11B1 - 193.28 theo yêu cầu của bà E là 13.000.000,đ (Mười ba triệu đồng). Trước khi mở phiên tòa bị cáo P đã tự nguyện bồi thường chiếc xe cho bà E là 6.500.000,đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), Nông Văn N không có yêu cầu gì thêm.

Trong vụ án này có hai người cùng thực hiện hành vi phạm tội, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, P và N có trao đổi, bàn bạc với nhau, đây là đồng phạm giản đơn.

Đối với chiếc xe mô tô của Phi sử dụng làm phương tiện đi thực hiện vụ trộm cắp trên, trong quá trình sử dụng, vợ P là Lục Thị L đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với hành vi “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” của Hoàng Văn P, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh L đang thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Văn P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 như Cáo trạng số: 06/CT-VKSTA ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về bồi thường dân sự: Trước khi mở phiên tòa bị cáo P đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bà Nông Thị E là 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). (Trong đó 6.500.000,đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bồi thường chiếc xe và 1.000.000,đ (Một triệu đồng) là tiền khắc phục hậu tổn

thất tinh thần cho gia đình bà E). Là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án: Không có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2017 Nông Văn N và Hoàng Văn P đi xe mô tô Honda Blade màu đỏ của Phi từ xã Q, huyện Tr, tỉnh L đến xã Đ, huyện T, tỉnh C trộm cắp chiếc xe máy BKS: 11B1 - 193.28 của bà Nông Thị E, trú tại: Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh C đem sang Trung Quốc bán được 2000 NDT (Hai nghìn nhân dân tệ), chia nhau mỗi người được 1000 NDT (Một nghìn nhân dân tệ) để mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, chiếc xe mô tô mà Nông Văn N và Hoàng Văn P trộm cắp có giá trị là 16.450.000,đ (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Do vậy hành vi của bị cáo Hoàng Văn P có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng số: 06/CT-VKSTA ngày 20/4/2021 của VKSND huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Văn P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu là người sử dụng ma túy, đã bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” được quy định tại điểm b khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là “Người phạm tội đầu thú” và “Người bị hại Nông Thị E có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp khác đối với bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô của P sử dụng làm phương tiện đi thực hiện vụ trộm cắp trên, trong quá trình sử dụng, vợ P là Lục Thị L đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với hành vi “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” của Hoàng Văn P, Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh L đang thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Về bồi thường dân sự: Trước khi mở phiên tòa ngày 09 tháng 5 năm 2021, bị cáo Hoàng Văn P đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường chiếc xe khắc phục hậu quả cho gia đình bà Nông Thị E là 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). (Trong đó 6.500.000,đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bồi thường chiếc xe và 1.000.000,đ (Một triệu đồng) là tiền khắc phục hậu tổn thất tinh thần cho gia đình bà E). là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và sự tự nguyện bồi thường thiệt hại đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình, bị cáo xin lỗi bị hại.

Người bị hại: Nông Thị E không có gì tranh luận thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về bồi thường dân sự: Không có

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: Không có.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015;

- Tuyên bố:

Bị cáo Hoàng Văn P - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P - 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2021.

2. Về bồi thường dân sự: Không có.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
(Đã ký)

Trần Đình Vỹ
Ngô Văn Hoàn

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương